

Thông tin tuyển sinh của nhóm GX

(12 Trường đại học)

1. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội – BKA			
Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
KT11	Kỹ thuật cơ điện tử	200	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
KT12	Kỹ thuật cơ khí (cơ khí chế tạo và cơ khí động lực)	750	
	Kỹ thuật hàng không		
	Kỹ thuật tàu thủy		
KT13	Kỹ thuật nhiệt	150	
KT14	Kỹ thuật vật liệu	180	
	Kỹ thuật vật liệu kim loại		
CN1	Công nghệ chế tạo máy	300	
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		
	Công nghệ kỹ thuật ô tô		
KT21	Kỹ thuật điện tử-truyền thông	450	
KT22	Kỹ thuật máy tính	400	
	Truyền thông và mạng máy tính		
	Khoa học máy tính		
	Kỹ thuật phần mềm		
	Hệ thống thông tin		
	Công nghệ thông tin		
KT23	Toán-Tin	150	
	Hệ thống thông tin quản lý (cử nhân)		
KT24	Kỹ thuật Điện-điện tử	470	
	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa		
CN2	Công nghệ KT Điều khiển và tự động hóa	400	
	Công nghệ KT Điện tử-truyền thông		
	Công nghệ KT Điện-điện tử		
	Công nghệ thông tin		
KT31	Công nghệ sinh học	750	
	Kỹ thuật sinh học		
	Kỹ thuật hóa học		
	Công nghệ thực phẩm		
	Kỹ thuật môi trường		
KT32	Hóa học (cử nhân)	50	(TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
KT33	Kỹ thuật in và truyền thông	50	
CN3	Công nghệ thực phẩm	50	
KT41	Kỹ thuật dệt	170	
	Công nghệ may		

	Công nghệ da giày		(TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
KT42	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (cử nhân)	50	
KT51	Vật lý kỹ thuật	120	
KT52	Kỹ thuật hạt nhân	100	
KQ1	Kinh tế công nghiệp	160	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh
	Quản lý công nghiệp		
KQ2	Quản trị kinh doanh	80	
KQ3	Kế toán	80	
	Tài chính-Ngân hàng		
TA1	Tiếng Anh KHKT và công nghệ	200	Toán, Văn, ANH (ANH là Môn chính, hệ số 2)
TA2	Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế		
TT1	Điện-Điện tử (Chương trình tiên tiến)	120	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh
TT2	Cơ Điện tử (Chương trình tiên tiến)	80	
TT3	Khoa học và Kỹ thuật vật liệu (Chương trình tiên tiến)	40	(TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
TT4	Kỹ thuật Y sinh (Chương trình tiên tiến)	50	(Có thêm điều kiện về điểm thi môn tiếng Anh từ 8,0 trở lên hoặc IELTS 5.0 và tương đương, Trường kiểm tra điều kiện này khi nhập học)
TT5	Công nghệ thông tin Việt-Nhật (Chương trình tiên tiến)	180	
	Công nghệ thông tin ICT (Chương trình tiên tiến)		
QT11	Cơ điện tử - NUT (ĐH Nagaoka - Nhật Bản)	80	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh (Riêng QT13 bổ sung thêm tổ hợp Toán, Lý, Pháp)
QT12	Điện tử -Viễn thông – LUH (ĐH Leibniz Hannover - Đức)	50	
QT13	Hệ thống thông tin – G.INP (ĐH Grenoble – Pháp)	40	
QT14	Công nghệ thông tin – LTU (ĐH La Trobe – Úc)	60	
QT15	Kỹ thuật phần mềm – VUW IT (ĐH Victoria - New Zealand)	40	
QT21	Quản trị kinh doanh - VUW (ĐH Victoria - New Zealand)	60	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh (Riêng QT33 có thể thay tiếng Anh bằng tiếng Pháp trong các tổ hợp xét tuyển)
QT31	Quản trị kinh doanh – TROY BA (ĐH Troy - Hoa Kỳ)	40	
QT32	Khoa học máy tính – TROY - IT (ĐH Troy - Hoa Kỳ)	40	
QT33	Quản trị kinh doanh - UPMF (ĐH Pierre Mendes France – Pháp)	40	
QT41	Quản lý công nghiệp Chuyên ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (Industrial System Engineering)	40	

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Mã KT: Kỹ sư/cử nhân kỹ thuật, CN: Cử nhân công nghệ, KQ: Cử nhân Kinh tế/Quản lý, TT: Chương trình tiên tiến, QT: Chương trình đào tạo quốc tế.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.

2. Trường Đại học Kinh tế quốc dân – KHA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
D310101	Kinh tế	750	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Sinh
D310104	Kinh tế đầu tư	200	
D310106	Kinh tế quốc tế	120	
D340101	Quản trị kinh doanh	330	
D340107	Quản trị khách sạn	70	
D340103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	120	
D340404	Quản trị nhân lực	120	
D340120	Kinh doanh quốc tế	140	
D340121	Kinh doanh thương mại	170	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Sinh
D340201	Tài chính - Ngân hàng	520	
D340202	Bảo hiểm	140	
D340301	Kế toán	400	
D340115	Marketing	200	
D340116	Bất động sản	130	
D340405	Hệ thống thông tin quản lý	120	
D380101	Luật	120	
D480101	Khoa học máy tính (Công nghệ thông tin)	100	
D620115	Kinh tế nông nghiệp	90	
D110105	Thống kê kinh tế	120	
D110106	Toán ứng dụng trong kinh tế	120	
D110107	Kinh tế tài nguyên	70	
D110109	Quản trị kinh doanh học bằng tiếng Anh (E-BBA)	130	
D310103	Quản lý công và chính sách học bằng tiếng Anh (E-PMP)	50	
D220201	Ngôn ngữ Anh	120	Toán, Văn, ANH (ANH là Môn chính, hệ số 2)
D110110	Các chương trình định hướng ứng dụng (POHE)	350	Toán, Lý, ANH Toán, Văn, ANH (ANH là Môn chính, hệ số 2)

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.

3. Trường Đại học Xây dựng – XDA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
XD01	Kiến trúc	400	TOÁN, Lý, Vẽ (TOÁN, Vẽ là các Môn chính, hệ số 2)
XD02	Quy hoạch vùng và đô thị	100	TOÁN, Lý, Vẽ (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD03	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	770	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD04	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	110	
XD05	Xây dựng Cảng - Đường thủy	110	
XD06	Xây dựng Thủy lợi - Thủy điện	110	
XD07	Tin học xây dựng	110	
XD08	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (Chuyên ngành xây dựng cầu đường)	385	
XD09	Cấp thoát nước	165	
XD10	Công nghệ kỹ thuật môi trường	110	TOÁN, Lý, Hóa (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD11	Kỹ thuật Công trình biển	110	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD12	Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng	165	TOÁN, Lý, Hóa (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD13	Công nghệ thông tin	110	TOÁN, Lý, Hóa TOÁN, Lý, Anh (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
XD14	Máy xây dựng	110	
XD15	Cơ giới hóa xây dựng	60	
XD16	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ (Chuyên ngành: Kỹ thuật Trắc địa XD - Địa chính)	60	
XD17	Kinh tế xây dựng	440	
XD18	Kinh tế và quản lý đô thị	110	
XD19	Kinh tế và quản lý bất động sản	60	

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau.
- Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu ngành Kiến trúc, ưu tiên xét điểm môn Toán và Vẽ mỹ thuật; với các ngành còn lại ưu tiên xét điểm môn Toán và Lý.

4. Trường Đại học Ngoại thương – NTH

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
NTH01	Kinh tế (Chỉ tiêu dự kiến: 890)	1350	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01) Toán, Văn, Nga (D02) Toán, Văn, Pháp (D03) Toán, Văn, Trung (D04) Toán, Văn, Nhật (D06)
	Kinh tế quốc tế (Chỉ tiêu dự kiến: 340)		Dự kiến A01, D01, D03, D04, D06 thấp hơn tổ hợp A00 là 0,5 điểm/10 điểm (tương đương 1,5 điểm/30 điểm). Tổ hợp D02 thấp hơn tổ hợp A00 là 1 điểm/10 điểm (tương đương 3 điểm/30 điểm).
	Luật (Chỉ tiêu dự kiến: 120)		- Ngành Kinh tế quốc tế chỉ xét tuyển theo các tổ hợp A00, A01, D01, D03 - Ngành Luật chỉ xét tuyển theo các tổ hợp A00, A01, D01.
NTH02	Quản trị Kinh doanh (Chỉ tiêu dự kiến: 240)	380	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01)
	Kinh doanh quốc tế (Chỉ tiêu dự kiến: 140)		Dự kiến tổ hợp A01, D01 thấp hơn tổ hợp A00 là 0,5 điểm/10 điểm (tương đương 1,5 điểm/30 điểm).
NTH03	Kế toán (Chỉ tiêu dự kiến: 150)	490	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01)
	Tài chính - Ngân hàng (Chỉ tiêu dự kiến: 340)		Dự kiến tổ hợp A01, D01 thấp hơn tổ hợp A00 là 0,5 điểm/10 điểm (tương đương 1,5 điểm/30 điểm).
NTH04	Ngôn ngữ Anh	170	Toán, Văn, ANH (D01) (ANH là Môn chính, hệ số 2)
NTH05	Ngôn ngữ Pháp	60	Toán, Văn, PHÁP (D03) (PHÁP là Môn chính, hệ số 2)
NTH06	Ngôn ngữ Trung	60	Toán, Văn, ANH (D01) Toán, Văn, TRUNG (D04) (ANH/TRUNG là Môn chính, hệ số 2) Dự kiến tổ hợp D04 thấp hơn tổ hợp D01 là 0,75 điểm/10 điểm (tương đương 3 điểm/40 điểm) .

NTH07	Ngôn ngữ Nhật	90	Toán, Văn, ANH (D01) Toán, Văn, NHẬT (D06) (ANH/NHẬT là Môn chính, hệ số 2) Dự kiến tổ hợp D06 thấp hơn tổ hợp D01 là 0,75 điểm/10 điểm (tương đương 3 điểm/40 điểm).
NTH08	Quản trị kinh doanh (học tại Cơ sở Quảng Ninh - chỉ tiêu dự kiến: 50)	200	Toán, Lý, Hóa (A00) Toán, Lý, Anh (A01) Toán, Văn, Anh (D01)
	Kế toán (học tại Cơ sở Quảng Ninh - chỉ tiêu dự kiến: 70)		
	Kinh doanh quốc tế (học tại Cơ sở Quảng Ninh - chỉ tiêu dự kiến: 80)		

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Xét ưu tiên điểm thi môn Toán trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vào các nhóm ngành NTH01 vượt quá chỉ tiêu.

5. Trường Đại học Thủy Lợi - TLA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
KT01	Kỹ thuật công trình thủy	300	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh
KT02	Kỹ thuật công trình xây dựng	290	
KT03	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	190	
KT04	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	120	
KT05	Quản lý xây dựng	140	
KT06	Kỹ thuật tài nguyên nước	210	
KT07	Kỹ thuật trắc địa-bản đồ	50	
KT08	Kỹ thuật công trình biển	70	
KT09	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	70	
KT10	Cấp thoát nước	120	
KT11	Kỹ thuật cơ khí (chuyên ngành máy XD, cơ khí ô tô)	210	
KT12	Kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Hệ thống điện, Tự động hóa)	140	
KT13	Kỹ thuật môi trường	140	
KT14	Thủy văn	70	
KT15	Công nghệ thông tin	210	
KT16	Hệ thống thông tin	70	
KT17	Kỹ thuật phần mềm	70	
QL01	Quản trị kinh doanh	120	
QL02	Kế toán	210	
QL03	Kinh tế	100	
KT18	Kỹ thuật xây dựng (chương trình tiên tiến)	100	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Anh
KT19	Kỹ thuật tài nguyên nước (chương trình tiên tiến)	50	
KT20	Kỹ thuật hóa học	70	

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán; riêng ngành Kỹ thuật hóa học (KT20) ưu tiên xét điểm môn Hóa.

- Đối với 2 ngành thuộc Chương trình tiên tiến (KT18, KT19), Tổng điểm ba môn thi của tổ hợp môn xét tuyển cao hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT ít nhất 2 (hai) điểm.

6. Trường Đại học Giao thông vận tải - GHA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
GHA01	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	888	Toán, Lý, Hóa
GHA02	Kỹ thuật xây dựng	180	Toán, Lý, Hóa
GHA03	Kỹ thuật cơ khí	428	Toán, Lý, Hóa
GHA04	Kỹ thuật điện tử truyền thông	94	Toán, Lý, Hóa
GHA05	Kỹ thuật điện, điện tử	94	Toán, Lý, Hóa
GHA06	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	90	Toán, Lý, Hóa
GHA07	Công nghệ thông tin	150	Toán, Lý, Hóa
GHA08	Kinh tế xây dựng	60	Toán, Lý, Hóa
GHA09	Kinh tế vận tải	90	Toán, Lý, Hóa
GHA10	Khai thác vận tải	90	Toán, Lý, Hóa
GHA11	Kế toán	71	Toán, Lý, Hóa
GHA12	Kinh tế	45	Toán, Lý, Hóa
GHA13	Quản trị kinh doanh	83	Toán, Lý, Hóa
GHA14	Công nghệ kỹ thuật giao thông	38	Toán, Lý, Hóa
GHA15	Kỹ thuật môi trường	38	Toán, Lý, Hóa
GHA16	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	297	Toán, Lý, Anh
GHA17	Kỹ thuật xây dựng	60	Toán, Lý, Anh
GHA18	Kỹ thuật cơ khí	142	Toán, Lý, Anh
GHA19	Kỹ thuật điện tử truyền thông	31	Toán, Lý, Anh
GHA20	Kỹ thuật điện, điện tử	31	Toán, Lý, Anh
GHA21	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	30	Toán, Lý, Anh
GHA22	Công nghệ thông tin	50	Toán, Lý, Anh
GHA23	Kinh tế xây dựng	20	Toán, Lý, Anh
GHA24	Kinh tế vận tải	30	Toán, Lý, Anh
GHA25	Khai thác vận tải	30	Toán, Lý, Anh
GHA26	Kế toán	24	Toán, Lý, Anh
GHA27	Kinh tế	15	Toán, Lý, Anh
GHA28	Quản trị kinh doanh	27	Toán, Lý, Anh
GHA29	Công nghệ kỹ thuật giao thông	12	Toán, Lý, Anh
GHA30	Kỹ thuật môi trường	12	Toán, Lý, Anh
GHA31	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt – Anh)	25	Toán, Lý, Hóa
GHA32	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt - Pháp)	20	Toán, Lý, Hóa
GHA33	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt - Nhật)	13	Toán, Lý, Hóa
GHA34	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	25	Toán, Lý, Hóa

	(Chương trình tiên tiến)		
GHA35	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình chất lượng cao Vật liệu và Công nghệ Việt – Pháp)	10	Toán, Lý, Hóa
GHA36	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán Việt – Anh)	13	Toán, Lý, Hóa
GHA37	Kinh tế xây dựng (Chương trình chất lượng cao KTXD công trình giao thông Việt -Anh)	20	Toán, Lý, Hóa
GHA38	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt – Anh)	25	Toán, Lý, Anh
GHA39	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt - Pháp)	20	Toán, Lý, Anh
GHA40	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình chất lượng cao Cầu - Đường bộ Việt - Nhật)	12	Toán, Lý, Anh
GHA41	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình tiên tiến)	25	Toán, Lý, Anh
GHA42	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình chất lượng cao Vật liệu và Công nghệ Việt – Pháp)	10	Toán, Lý, Anh
GHA43	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán Việt – Anh)	12	Toán, Lý, Anh
GHA44	Kinh tế xây dựng (Chương trình chất lượng cao KTXD công trình giao thông Việt - Anh)	20	Toán, Lý, Anh

Chú thích: Trường chỉ tuyển sinh bậc đại học.

- Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vào một ngành vượt quá chỉ tiêu, ưu tiên xét trước tổng điểm 2 môn Toán và Lý, sau đó xét điểm môn Toán.

7. Trường Đại học Mở - Địa chất - MDA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn xét tuyển
DH101	Kỹ thuật dầu khí	290	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
	Kỹ thuật địa vật lý		
DH102	Công nghệ kỹ thuật hóa học	100	
DH103	Kỹ thuật địa chất	350	
DH104	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	300	
DH105	Kỹ thuật mỏ	380	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
	Kỹ thuật tuyển khoáng		
DH106	Công nghệ thông tin	480	
DH107	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	420	
	Kỹ thuật điện, điện tử		
DH108	Kỹ thuật cơ khí	190	
DH109	Kỹ thuật công trình xây dựng	350	
DH110	Kỹ thuật môi trường	250	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Sinh
DH111	Quản trị kinh doanh	210	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh
DH112	Kế toán	260	
DH113	Quản lý đất đai	100	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Sinh
TT102	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình tiên tiến)	60	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
DH301	Kỹ thuật dầu khí (học tại Vũng Tàu)	270	
	Công nghệ kỹ thuật hóa học (học tại Vũng Tàu)		
	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (học tại Vũng Tàu)		
	Kỹ thuật điện, điện tử (học tại Vũng Tàu)		
	Kỹ thuật trắc địa-bản đồ (học tại Vũng Tàu)		
	Kỹ thuật mỏ (học tại Vũng Tàu)		
DH201	Kỹ thuật mỏ (học tại Quảng Ninh)	120	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Ngành Kỹ thuật mỏ chỉ xét tuyển theo các tổ hợp Toán, Lý, Hóa / Toán, Lý, Anh
	Quản trị kinh doanh (học tại Quảng Ninh)		
	Kế toán (học tại Quảng Ninh)		

Hệ Cao đẳng

CD103	Công nghệ kỹ thuật địa chất	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
CD104	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	40	
CD105	Công nghệ kỹ thuật mỏ	40	
CD106	Công nghệ thông tin	40	
CD107	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	40	
CD108	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	
CD109	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	40	
CD110	Công nghệ kỹ thuật môi trường	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Sinh
CD112	Kế toán	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh
CD113	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh

Chú thích: mã DHxxx: Đại học, mã CDxxx: Cao đẳng.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.

8. Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - DCN

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
D510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	450	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
D510203	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	210	
D510205	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	360	
D510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử (CNKT Điện)	450	
D510303	Công nghệ điều khiển và tự động hoá	210	
D510206	Công nghệ kỹ thuật Nhiệt (CNKT Nhiệt lạnh)	160	
D510302	Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông (CNKT Điện tử)	490	
D480102	Truyền thông và mạng máy tính	80	
D510304	Công nghệ kỹ thuật máy tính	80	
D480104	Hệ thống thông tin	140	
D480201	Công nghệ thông tin	240	
D480103	Kỹ thuật phần mềm	200	
D480101	Khoa học máy tính	140	
D340301	Kế toán	640	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh
D340115	Marketing	80	
D340302	Kiểm toán	180	
D340101	Quản trị kinh doanh	460	
D340104	Quản lý kinh doanh (chương trình liên kết với ĐH York St. John, Anh)	20	
D340201	Tài chính ngân hàng	210	
D340404	Quản trị nhân lực	210	
D340102	Quản trị kinh doanh Du lịch	280	
D340406	Quản trị văn phòng	180	Toán, Văn, Anh Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Anh
D220113	Việt Nam học (Hướng dẫn du lịch)	160	
D220201	Ngôn ngữ Anh	210	Toán, Văn, ANH (ANH là Môn chính, hệ số 2)
D540204	Công nghệ May	250	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh
D210404	Thiết kế thời trang	50	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Anh
D510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	160	
D510402	Công nghệ kỹ thuật Hoá dầu	120	
D510406	Công nghệ kỹ thuật Môi trường	80	

Hệ Cao đẳng

C510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	240	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Anh
C510203	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử	80	
C510202	Công nghệ chế tạo máy	80	
C510205	Công nghệ kỹ thuật Ôtô	160	
C510301	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử (CNKT Điện)	160	
C510303	Công nghệ điều khiển và tự động hoá	80	
C510302	Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông (CNKT Điện tử)	80	
C480201	Công nghệ thông tin	70	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Văn, Anh
C340301	Kế toán	160	
C340101	Quản trị kinh doanh	140	
C340201	Tài chính ngân hàng	50	
C540204	Công nghệ May	50	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Anh
C510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	50	

Chú thích: mã Dxxxxxx: Đại học, mã Cxxxxxx: Cao đẳng.

- Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm thi môn Văn đối với ngành D220113, môn Anh đối với D220201, các ngành khác ưu tiên điểm môn Toán.

9. Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải - GTA

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
Cơ sở đào tạo tại Hà Nội			
GTH01	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Cầu đường bộ	810	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Văn, Anh/Pháp Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Văn, Anh/Pháp Toán, Hóa, Sinh
	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Đường bộ		
	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Cầu hầm		
GTH02	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Đường sắt - Metro	80	
	Công nghệ kỹ thuật xây dựng đường thủy và công trình biển		
GTH03	Công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp	150	
GTH04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	300	
	Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử trên ô tô		
GTH05	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí máy xây dựng	160	
	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí tàu thủy và công trình nổi		
	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí Đầu máy – toa xe và tàu điện Metro		
GTH06	Hệ thống thông tin	350	
	Điện tử - viễn thông		
	Truyền thông và mạng máy tính		
GTH07	Kế toán doanh nghiệp	400	
	Kinh tế xây dựng		
GTH08	Quản trị doanh nghiệp	180	
	Tài chính doanh nghiệp		
GTH09	Logistis và Vận tải đa phương thức	130	
	Quản lý, điều hành vận tải đường bộ		
	Quản lý, điều hành vận tải đường sắt		
GTH10	Công nghệ kỹ thuật môi trường	40	
Cơ sở đào tạo tại Vĩnh Yên			
GTV01	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Cầu đường bộ	120	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp
GTV02	Công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp	40	
GTV03	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	80	
GTV04	Hệ thống thông tin	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Văn, Anh/Pháp
GTV05	Kế toán doanh nghiệp	80	
GTV06	Kinh tế xây dựng	40	

Cơ sở đào tạo tại Thái Nguyên			
GTT01	Công nghệ kỹ thuật xây dựng Cầu đường bộ	100	Toán, Lý, Hóa
GTT02	Công nghệ kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp	40	Toán, Lý, Anh/Pháp Toán, Hóa, Anh/Pháp
GTT03	Kế toán doanh nghiệp	40	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh/Pháp
GTT04	Kinh tế xây dựng	40	Toán, Hóa, Anh/Pháp Toán, Văn, Anh/Pháp
<p>Chú thích: Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.</p>			

10. Học viện Ngân hàng – NHH

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
NHH01	Tài chính ngân hàng (hệ đại học)	1500	Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Hóa
NHH02	Kế toán (hệ đại học)	800	
NHH03	Quản trị kinh doanh (hệ đại học)	450	
NHH04	Hệ thống thông tin quản lý (hệ đại học)	150	
NHH05	Kinh doanh Quốc tế (hệ đại học)	300	Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh
NHH06	Ngôn ngữ Anh (hệ đại học)	250	
Hệ cao đẳng			
NHH07	Tài chính ngân hàng	160	Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Hóa, Anh Toán, Lý, Hóa
NHH08	Kế toán	140	

Chú thích: Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.

11. Trường Đại học Thăng long - DTL

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
TT01	Toán ứng dụng	180	TOÁN , Lý, Hóa TOÁN , Lý, Anh (TOÁN là Môn chính, hệ số 2)
	Khoa học máy tính		
	Truyền thông và mạng máy tính		
	Hệ thống thông tin		
KQ01	Kế toán	900	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Pháp
	Tài chính ngân hàng		
	Quản trị kinh doanh		
	Quản trị du lịch và lữ hành		
NN01	Ngôn ngữ Anh	300	Toán, Văn, ANH (ANH là Môn chính, hệ số 2)
NN02	Ngôn ngữ Trung Quốc	60	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Pháp Toán, Văn, TRUNG (TRUNG là Môn chính, hệ số 2)
NN03	Ngôn ngữ Nhật	350	Toán, Văn, Anh Toán, Văn, NHẬT (NHẬT là Môn chính, hệ số 2)
XN01	Việt Nam học	90	Văn, Sử, Địa Toán, Văn, Anh Toán, Văn, Pháp Toán, Văn, Trung
	Công tác xã hội		
SK01	Y tế công cộng	120	Toán, Hóa, Sinh Toán, Lý, Hóa
	Điều dưỡng		
	Quản lý bệnh viện		

Chú thích: Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau.

- Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu của nhóm ngành TT01 và KQ01, ưu tiên xét điểm môn Toán; nhóm NN02, NN03, XN01 ưu tiên xét điểm môn Văn; nhóm NN01 ưu tiên xét điểm môn Anh; nhóm SK01 ưu tiên xét điểm môn Hóa.

12. Học viện chính sách và phát triển - HCP

Mã ngành/ nhóm ngành	Các ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp môn Xét tuyển
D310101	Kinh tế	220	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Lý, Văn
D310106	Kinh tế quốc tế	180	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh
D340101	Quản trị kinh doanh	60	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Anh
D310205	Quản lý nhà nước	60	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh
D340201	Tài chính-Ngân hàng	130	Toán, Văn, Anh Toán, Hóa, Văn

Chú thích: Điểm chuẩn trúng tuyển vào một ngành đối với tất cả các tổ hợp môn xét tuyển là bằng nhau. Nếu số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu một ngành, ưu tiên xét điểm môn Toán.